

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:20/2019/HS-ST

Ngày 16 - 4 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh và bà Lê Thị Hồng Khiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 03 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo: Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 tại thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Hộ khẩu thường trú: Tổ x, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; Chồng: Vũ Hữu H, sinh năm 1971; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2018, có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Hoàng Thị Lả L, sinh năm 1995, vắng mặt

Chị Lò Thị H, sinh năm 1988, vắng mặt

Đều có địa chỉ: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Y, xã V, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Hiện ở: Tổ dân phố Y, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chị Nguyễn Huyền T1, sinh năm 1986, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1993, vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện ở: Tổ dân phố Y, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khách sạn V có trụ sở tại Tổ dân phố Y, phường X, thành phố P đăng ký kinh doanh mang tên Nguyễn Thị A, đã ngừng hoạt động từ tháng 8/2018. Chị A nhờ chị Nguyễn Huyền T1 là chị gái chồng trông coi giúp. Chị T1 nhờ và được di ruột là Nguyễn Thị T đồng ý hàng ngày đến trông nom và quét dọn khách sạn.

Do có quen biết từ trước với gái bán dâm là các chị Nguyễn Thị H1, Hoàng Thị Lả L và Lò Thị H, nên giữa T và H1, H, L có thỏa thuận với nhau khi nào có khách mua dâm T sẽ gọi điện đến để bán dâm. T là người trực tiếp làm giá với khách 400.000đ một lần bán dâm, gái bán dâm thu tiền của khách sau đó chia cho T 300.000đ, gái bán dâm được hưởng 100.000đ/1 lần đi bán dâm.

Khoảng 13 giờ ngày 16/11/2018, khi T đang ở quầy lễ tân Khách sạn V thì có một người nam giới tự khai tên là K1 đến hỏi mua dâm, T đồng ý và bảo K1 đi lên phòng 204 chờ, sau đó T gọi điện thoại cho H đến bán dâm, H đồng ý và rủ L cùng đi đến khách sạn. T bảo L lên phòng 204 bán dâm và thu của anh K1 400.000đ. L đồng ý và đi lên phòng 204 bán dâm cho K1.

Khoảng 13 giờ 30 phút có hai người nam giới tự khai tên là K2 và K3 đến gặp T hỏi mua dâm. T đồng ý và nói mỗi lần là 400.000đ rồi bảo anh K2 lên phòng 201, anh K3 lên phòng 202 chờ. T bảo chị H lên phòng 201 bán dâm cho anh K2 và chị H1 lên phòng 202 bán dâm cho anh K3 và thu tiền của khách như đã thỏa thuận.

Khi chị H và chị H1 lên phòng để bán dâm được khoảng 10 phút thì chị L và anh K1 đã quan hệ tình dục với nhau xong đi xuống quầy lễ tân. Chị L đưa cho T 400.000đ tiền bán dâm cho anh K1 thì bị Công an tỉnh Vĩnh Phúc kiểm tra, bắt quả tang: Chị H và anh K2 đang quan hệ tình dục (mua bán dâm) với nhau tại phòng 201; chị H1 và anh K3 đang mua bán dâm tại phòng 202.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng gồm: Tại phòng số 201, 202 mỗi phòng 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu "VIP" đã bị xé rách; Kiểm tra phòng 204 thu: 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao nhãn hiệu "VIP"; Thu giữ số tiền 1.200.000đ trong đó do T giao nộp 300.000đ, L giao nộp 100.000đ, H1 giao nộp 400.000đ; H giao nộp 400.000đ là tiền do khách mua dâm trả. Thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu đồng đã cũ. Thu giữ 01 đầu thu camera nhãn hiệu AJHUA màu trắng tại Khách sạn V do T giao nộp; tạm giữ của Hoàng Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen, Lò Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đồng.

Ngày 14/2/2019, cơ quan điều tra công an thành phố Phúc Yên quyết định trưng cầu giám định đối với chiếc đầu thu nêu trên. Tại kết luận giám định số 260/KLGD ngày 21/02/2019 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận "không trích xuất được dữ liệu lưu trên đầu ghi hình do không có dữ liệu".

Tại cơ quan điều tra, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 22/CT - KSĐT ngày 22 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố Nguyễn Thị T về tội "chứa mại dâm" theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù. Ngoài ra viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra và của Tòa án.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bản thân bị cáo rất ăn năn, hối hận, bị cáo biết mình đã sai và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận hành vi: trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 13 giờ 30 phút ngày 16/11/2018, tại khách sạn V ở tổ dân phố Y, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, nơi bị cáo Nguyễn Thị T là người được nhờ trông coi, quét dọn khách sạn. Bị cáo đã tự ý bố trí cho Hoàng Thị L bán dâm cho đối tượng tự khai tên là K1 tại phòng số 204 và Lò Thị H, Nguyễn Thị H1 bán dâm cho hai đối tượng tự khai tên là K2 và K3 tại phòng số 201 và 202 thì bị phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền mua bán dâm là 1.200.000đồng (*một triệu hai trăm nghìn đồng*)

Xét lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận hành vi tạo điều kiện, bố trí cho gái bán dâm bán dâm tại khách sạn mình đang trông giữ của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội chứa mại dâm được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Khoản 2 Điều 327 qui định: “*Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

c, Phạm tội 02 lần trở lên”

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 22/CT - KSĐT ngày 22 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh, sức khỏe của con người và là nguyên nhân làm lây truyền các loại virus gây bệnh nguy hiểm như hoa liễu, giang mai, đặc biệt là bệnh HIV/AIDS. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hội đồng xét xử thấy : Bị cáo T là người có sức khỏe , nhận thức được hành vi tạo điều kiện, bố trí cho người khác thực hiện hành vi mua, bán dâm tại địa điểm do mình được nhờ trông coi là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo sinh ra và lớn lên trong gia đình có công với cách mạng. Bố bị cáo là ông Nguyễn Văn B đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được tặng Huân chương chiến thắng hạng Ba. Mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị T đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Về tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu tình tiết nào

Sau khi cân nhắc nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả xảy ra. Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo T chứa mại dâm vì mục đích lợi nhuận nhưng qua xác minh tại địa phương bị cáo lao động tự do , thu nhập không ổn định , bản thân không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với chị Nguyễn Thị A, Nguyễn Huyền T1 không biết việc bị cáo T chứa mại dâm tại Khách sạn V nên không đề cập việc xử lý là phù hợp.

[7] Đối với các Chị Hoàng Thị Lả L, Lò Thị H, Nguyễn Thị H1 có hành vi “*Bán dâm*” đã vi phạm Khoản 1 Điều 23 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Công an thành phố Phúc Yên đã xử phạt hành chính với mức phạt 200.000đồng là phù hợp.

[8] Đối với các anh K1, K2, K3 là người có hành vi “*Mua dâm*”. Sau khi sự việc xảy ra đã đến cơ quan điều tra để làm việc, tại đây K1, K2, K3 đã khai nhận toàn bộ sự việc đi mua dâm. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhân thân lai lịch theo lời khai của K1, K2, K3 nhưng không có đối tượng nào có nhân thân lai lịch như K1, K2, K3 đã khai nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra và xử lý sau.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 1200.000đồng thu giữ của bị cáo và các đối tượng bán dâm là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 02 điện thoại di động thu giữ của bị cáo T và của chị Lò Thị H liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước; 01 chiếc đầu thu là tài sản của khách sạn, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho chị Nguyễn Huyền T1; 01 điện thoại di động thu giữ của Chị Hoàng Thị Lả L không liên quan đến vụ án nên trả lại cho chị L. Đối với 03 bao cao su và 3 vỏ bao nhãn hiệu VIP được sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy.

[10] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16 tháng 11 năm 2018.

Về xử lý vật chứng : Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 03 bao cao su và 3 vỏ bao nhãn hiệu VIP.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền mua bán dâm 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tịch thu bán sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu đồng đã cũ của bị cáo T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen của chị Lò Thị H.

Trả lại cho chị Nguyễn Huyền T1 01 chiếc đầu thu và Chị Hoàng Thị Lả L 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đồng.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, V.P.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh